TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẮC GIANG** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2025/HNGĐ-ST
Ngày 07-5-2025
V/v "Ly hôn, con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lương Thị Thanh Quyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đặng Thị Hà

2. Ông Trịnh Văn Nhất

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hà Anh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang: Không tham gia phiên toà.

Ngày 07 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 221/2025/TLST-HNGĐ ngày 03/4/2025 về việc "*Ly hôn, con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/4/2025, giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số D, đường X, tổ H, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

-*Bị đơn*: Anh Vi Khắc H1, sinh năm 1987 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số D, đường X, tổ H, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/03/2025 và bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:*

- *Về quan hệ vợ chồng:* Chị và anh V Khắc Hoạ kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang ngày 23/10/2013. Sau khi tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương thì anh H1 và chị về chung sống với nhau ngay và vợ chồng sinh sống, làm việc ở thành phố B. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và không thống nhất trong cách nuôi dậy con cái nên vợ chồng thường xảy ra xích mích. Vợ chồng chị mặc dù sống chung nhà nhưng đã ly thân từ năm 2022. Từ cuối năm 2024 đến nay thì anh H1 thường xuyên bỏ nhà đi và trở về nhà thất thường. Anh H1 đi đâu, làm gì chị không rõ còn trước đây anh H1 làm cán bộ bảo hiểm của Ngân hàng B. Nay chị xác định vợ chồng không ai còn quan tâm tới ai nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh H1.

- *Về con chung*: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Vi Nguyễn Hà L, sinh ngày 08/7/2014 và cháu Vi Nhật Minh K, sinh ngày 10/12/2016. Hiện nay các con chung đang ở cùng chị và phát triển bình thường. Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cả 02 con chung, không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị đang làm nhân viên văn phòng, chị xác định đủ điều kiện nuôi con.

- *Về tài sản chung, về nghĩa vụ chung về tài sản:* Chị và anh H1 tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai có trong hồ sơ, bị đơn anh Vi Khắc H1 trình bày:*

- *Về quan hệ vợ chồng*: A và chị Nguyễn Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn với nhau tại UBND thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang ngày 23/10/2013. Sau khi được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương thì anh và chị H về chung sống với nhau ngay và vợ chồng sinh sống, làm việc tại thành phố B. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng có nhiều điểm bất đồng trong cách thức nuôi dậy con cũng như quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị H xin ly hôn, anh đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là cháu Vi Nguyễn Hà L, sinh ngày 08/7/2014 và cháu Vi Nhật Minh K, sinh ngày 10/12/2016. Hiện nay 02 con chung đang ở cùng chị H. Ly hôn, anh đồng ý để chị H nuôi dưỡng cả cháu Hà L và cháu Minh K. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản*: Anh và chị H tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử công bố các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Vụ án không có sự tham gia của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, con chung với anh Vi Khắc H1. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, cụ thể là "*Ly hôn, con chung*" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp trong vụ án là "*Ly hôn, con chung"* được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Vi Khắc H1 có địa chỉ nơi ở tại tổ dân phố số H, phường N, thành phố B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị H, anh H1 theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị H và anh V Khắc Hoạ kết hôn ngày 23/10/2013 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang. Chị H đã cung cấp được bản sao giấy đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H1 là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án, chị H và anh H1 đều xác định vợ chồng sống ly thân từ lâu, không ai còn quan tâm tới ai. Chị H xin ly hôn, anh H1 đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, chị H, anh H1 đều bận vì lý do công việc nên không có mặt tại Toà án để giải quyết việc ly hôn. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh H1 xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Vi Nguyễn Hà L, sinh ngày 08/7/2014 và cháu Vi Nhật Minh K, sinh ngày 10/12/2016. Ly hôn, chị H có nguyện vọng được nuôi cả 02 con chung, anh H1 đồng ý với nguyện vọng của chị H. Do vậy, cần giao cháu Hà L và cháu Minh K cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị H và anh H1 không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị H, anh H1 thống nhất tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án để buộc chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử cần tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1. Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh V Khắc Hoạ

2.2. Về con chung: Giao cháu Vi Nguyễn Hà L, sinh ngày 08/7/2014 và cháu Vi Nhật Minh K, sinh ngày 10/12/2016 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét, giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2.3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0002549 ngày 03/4/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

2.4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

2.5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Bắc Giang,
- CCTHADS TP. Bắc Giang,
- Các đương sự,
- UBND thị trấn An Châu, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lương Thị Thanh Quyên